

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA ỐC AN KHANG LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA ỐC AN KHANG LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN KHANG LAND REAL ESTATE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN KHANG LAND.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108360738

**3. Ngày thành lập:** 11/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô số 1, Khu BT3, Dự án khu nhà ở Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903.433.422

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                     | 5621     |
| 2.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                              | 5629     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                         | 4210     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                   | 4322     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633     |
| 6.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                 | 4721     |
| 7.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                     | 8551     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: - Tổ chức sự kiện; - Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức. | 8230     |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                    | 4329     |
| 10. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                               | 4390     |
| 11. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4723     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                        | 4290     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311     |
| 14. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                 | 4690     |
| 15. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                       | 8552     |
| 16. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                              | 8559     |
| 17. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                           | 5630     |

|     |                                                                                                                                                                        |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                           | 4220        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                      | 4312        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                  | 4321        |
| 21. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản 2014) | 6810(Chính) |
| 22. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                | 8560        |
| 23. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                       | 8510        |
| 24. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                  | 4100        |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                         | 4330        |
| 26. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú                                                                       | 5510        |
| 27. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                     | 4632        |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                               | 7020        |
| 29. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                    | 7110        |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                               | 7410        |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                       | 5610        |
| 32. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới<br>(Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm tuân thủ)                                                     | 4610        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN QUANG | Tổ 6, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Tổng số           | 580.000    | 5.800.000.000         | 29,000    | 0350590001<br>28                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần phổ thông | 580.000    | 5.800.000.000         | 29,000    |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                                          |                   |           |                |        |              |  |
|---|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|----------------|--------|--------------|--|
| 2 | NGUYỄN ĐỨC HIẾU     | P4 Nhà 19, Tập thể nhà máy Công Cụ số 1, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 20.000    | 200.000.000    | 1,000  | 001079016375 |  |
|   |                     |                                                                                                          | Tổng số           | 20.000    | 200.000.000    | 1,000  |              |  |
| 3 | TRỊNH THỊ HƯƠNG LAN | Số 69 Tổ 1, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông | 1.400.000 | 14.000.000.000 | 70,000 | 011570403    |  |
|   |                     |                                                                                                          | Tổng số           | 1.400.000 | 14.000.000.000 | 70,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH THỊ HƯƠNG LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh:

Sinh ngày: 06/03/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011570403

Ngày cấp: 28/12/2013 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 69 Tổ 1, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 604, Tòa nhà HUD3 TOWER, Số 121-123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội